| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 20/2024/DS-PT
Ngày: 23/01/2024
*V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất)"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Đăng**
Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Dũng**
Ông **Phạm Trường Thọ**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Cao Ngọc Quí** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:*** Ông **Phan Thanh Hào** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 129/2023/TLPT-DS ngày 26 tháng 7 năm 2023 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất)"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2023/DS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 263/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Bùi Kiêm N, sinh năm 1940 (chết 09/7/2021).

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

*Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Kiêm N:*

1.1. Bùi Phượng L, sinh năm 1962 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

1.2. Bùi Thúy H, sinh năm 1965 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

1.3. Bùi Quang T, sinh năm 1966 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

1.4. Bùi Mỹ N1, sinh năm 1975 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

1.5. Bùi Minh C, sinh năm 1971 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

1.6. Bùi Quang T1, sinh năm 1968 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

1.7. Bùi Quang T2, sinh năm 1973 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

1.8. Lưu Mỹ H1, sinh năm 1944 (chết 11/8/2023).

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

*Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lưu Mỹ H1:*

1.8.1. Bùi Phượng L1, sinh năm 1962 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

1.8.2. Bùi Thúy H, sinh năm 1965 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

1.8.3. Bùi Quang T, sinh năm 1966 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

1.8.4. Bùi Mỹ N1, sinh năm 1975 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

1.8.5. Bùi Minh C, sinh năm 1971 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

1.8.6. Bùi Quang T1, sinh năm 1968 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

1.8.7. Bùi Quang T2, sinh năm 1973 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N và bà H1: Ông Tôn Huỳnh Văn H2, sinh năm 1992; địa chỉ: số B, đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ (Theo Giấy ủy quyền ngày 03/11/2021) (có mặt).

*2. Bị đơn:* Bà Đỗ Thị Ngọc H3, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Đỗ Thị Ngọc H3: Luật sư Hà Văn V – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh V (có mặt).

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Anh Huỳnh Công T3, sinh năm 1991 (có mặt).

3.2. Anh Huỳnh Phát T4, sinh năm 1989 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

3.3. Chị Huỳnh Thanh T5, sinh năm 1993 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 18/5/2021, ngày 09/6/2021 nguyên đơn ông Bùi Kiêm N; đơn yêu cầu ngày 17/11/2021 của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Kiêm N và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N là anh T6 Huỳnh Văn H2 trình bày:* Ông Bùi Kiêm N (chết ngày 09/7/2021) có vợ là bà Lưu Mỹ H1, sinh năm 1944 và các con là Bùi Phượng L, Bùi Thúy H, Bùi Quang T, Bùi Mỹ N1, Bùi Minh C, Bùi Quang T1, Bùi Quang T2. Ông Bùi Kiêm N là chủ sử dụng phần đất thuộc thửa 890, tờ bản đồ số 2, diện tích 1090m$^2$ tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/8/2001. Giáp ranh với thửa 890 của Ông N là thửa 892, tờ bản đồ số 02, diện tích 790m$^2$ do ông Huỳnh Thanh T7 (đã chết) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện do bà H1 cùng các con đang quản lý sử dụng. Giáp ranh giữa 02 thửa đất trên là con mương tồn tại từ trước đến nay. Trong quá trình sử dụng bà H1 tự ý xác định phần đất của bà lấn sang phần đất thuộc quyền sử dụng của ông N với tổng diện tích theo đo đạc thực tế là 211,2m$^2$.

Nay những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N và người đại diện hợp pháp yêu cầu tòa án giải quyết: Buộc bà Đỗ Thị Ngọc H3 và các con của bà H3 có trách nhiệm trả lại cho những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông N phần đất đã lấn chiếm theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 30/3/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L là 211,2m$^2$ thuộc thửa 890, tờ bản đồ số 2, diện tích 1090m$^2$ tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, do ông Bùi Kiêm N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh H2 thống nhất với kết quả khảo sát đo đạc và giá của Hội đồng định giá đã định và đề nghị lấy kết quả trên làm căn cứ giải quyết vụ án.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đỗ Thị Ngọc H3 trình bày:* Bà là vợ của ông Huỳnh Thanh T7. Cha mẹ của ông T7 đều đã chết. Ngoài bà và các con gồm Huỳnh Công T3, Huỳnh Phát T4, Huỳnh Thanh T5 ra thì ông T7 không còn người con nào khác kể cả con nuôi. Hiện tại bà và các con đang quản lý, sử dụng phần đất thửa 891, tờ bản đồ số 2, diện tích 150m$^2$, loại đất nghĩa địa và thửa 892, tờ bản đồ số 2, diện tích 790m$^2$, loại đất vườn cùng tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long

do chồng của bà là Huỳnh Thanh T7 (đã chết) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giáp ranh với phần đất thửa 892 là phần đất thửa số 890 của ông Bùi Kiêm N.

Quá trình sử dụng hai bên không có cắm mốc ranh đất, ông N đã sử dụng lấn qua phần đất của gia đình bà chứ bà không có lấn ranh của ông N.

Nay bà không đồng ý yêu cầu của phía nguyên đơn. Bà giữ nguyên ý kiến theo sự chỉ ranh của bà. Yêu cầu Toà án công nhận cho bà quyền sử dụng phần đất tranh chấp có diện tích 211,2m$^2$ thuộc thửa 892, tờ bản đồ số 2, loại đất vườn cùng tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Bà thống nhất với kết quả khảo sát đo đạc và giá của hội đồng định giá. Riêng đối với cây trồng trên đất bà không đồng ý bồi hoàn giá trị mà yêu cầu nguyên đơn tự di dời nếu công nhận phần đất trên thuộc quyền sử dụng của gia đình bà.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Công T3 trình bày:* anh thống nhất với trình bày của bà Đỗ Thị Ngọc H3, không có ý kiến bổ sung.

- *Tại quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Phát T4 và chị Huỳnh Thanh T5 do bà H3 làm đại diện trình bày*: Bà vẫn giữ nguyên ý kiến. Ngoài ra không cung cấp chứng cứ gì mới.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản ngày 10/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ đã xác định:

- Phần đất tranh chấp thuộc loại đất vườn, vị trí còn lại, đơn giá 71.000 đồng/m$^2$.

- Tài sản trên đất tranh chấp gồm:

+ Dừa (10 năm): 05 cây x 1.170.000 đồng/cây = 5.850.000 đồng.

+ Dừa (dưới 1 năm): 13 cây x 210.000 đồng/cây = 2.730.000 đồng.

+ Măng cụt (6 năm): 09 cây x 490.000 đồng/cây = 4.410.000 đồng.

+ Nhãn (6 năm): 01 cây x 975.000 đồng/cây = 975.000 đồng.

+ Xoài (3 năm): 02 cây x 146.000 đồng/cây = 292.000 đồng.

+ Bưởi (3 năm): 02 cây x 149.000 đồng/cây = 298.000 đồng.

+ Chuối (2 năm, cao trên 1m): 10 cây x 65.000 đồng/cây = 650.000 đồng.

+ M vàng: 11 cây không định giá.

Tất cả các cây trồng trên đều do ông Bùi Kiêm N trồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2023/DS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

***Áp dụng:***

Áp dụng vào các Điều 26, 34, 35, 39, 144, 147, 157 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 166, Điều 170 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013.

Áp dụng các Điều 163, Điều 175 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Kiêm N gồm bà Lưu Mỹ H1, Bùi Phượng L, Bùi Thúy H, Bùi Quang T, Bùi Mỹ N1, Bùi Minh C, Bùi Quang T1, Bùi Quang T2.

Công nhận phần đất tranh chấp có diện tích 211,2m$^2$ và tài sản trên đất thuộc thửa 890 (thửa mới là thửa số 24-2 + 24-3), tờ bản đồ số 2 (tờ bản đồ mới là 28), diện tích đo đạc thực tế là 854,1m$^2$, loại đất CLN; tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long do ông Bùi Kiêm N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 14, 15, 16, 1 (*Kèm theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 30/3/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Vĩnh Long).*

Phần đất thuộc thửa 892, tờ bản đồ số 2, diện tích 790m$^2$, loại đất cây lâu năm; tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long do ông Huỳnh Thanh T7 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích thực tế là 600,8m$^2$ thuộc chiết thừa 24-1, tờ bản đồ số 28 gồm các mốc 9, 10, 11, 12, 13, 14, 9 *(Kèm theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 30/3/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Vĩnh Long).*

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

2. Về án phí và chi phí tố tụng khác

- Về án phí: Buộc bà Đỗ Thị Ngọc H3 nộp: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí khảo sát, đo đạc, xem xét thẩm định tại chổ: Buộc bà Đỗ Thị Ngọc H3 nộp: 5.875.000 đồng (Năm triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), do nguyên đơn đã nộp tạm ứng xong nên buộc bà H3 có trách nhiệm hoàn trả lại cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N gồm bà Lưu Mỹ H1, Bùi Phượng L, Bùi Thúy H, Bùi Quang T, Bùi Mỹ N1, Bùi Minh C, Bùi Quang T1, Bùi Quang T2 số tiền 5.875.000 đồng (Năm triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, bị đơn Đỗ Thị Ngọc H3 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Công T3, Huỳnh Phát T4 và Huỳnh Thanh T5 có đơn kháng cáo với nội dung:

- Khảo sát đo đạc lại hai thửa 890 do ông Bùi Kiêm N đứng tên và thửa 892 do anh Huỳnh Thanh T7 đứng tên. Kết luận phần đất tranh chấp 211,2 $m^2$ thuộc thửa nào, do ai đứng tên để xác định quyền sử dụng đất tranh chấp cho chính xác.

- Sửa lại bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Kiêm N đã chết do các con ông N là người thừa kế tố tụng. Công nhận phần đất tranh chấp 211,2 $m^2$ thuộc thửa 892 do ông Huỳnh Thanh T7 đứng tên chết để lại cho mẹ con bà kế thừa được quyền sử dụng đăng ký, kê khai tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

*Tại phiên tòa hôm nay:*

Bị đơn bà Đỗ Thị Ngọc H3 trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các con ông N.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày nội dung phân tích chứng cứ và đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đỗ Thị Ngọc H3, công nhận phần đất tranh chấp 175,7$m^2$ là của bà Đỗ Thị Ngọc H3.

Đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn trình bày: Không đồng ý kháng cáo của bị đơn và thống nhất với nội dung bản án sơ thẩm đã xử.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: trình bày nội dung, phân tích chứng cứ và đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm về diện tích, công nhận 175,7$m^2$ là của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH VỤ ÁN:

*Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Đỗ Thị Ngọc H3, Huỳnh Phát T4, Huỳnh Công T3, Huỳnh Thanh T5 còn trong hạn luật định theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Phần đất ông N thuộc thửa 890, diện tích 1090m$^2$, loại đất trồng cây lâu năm được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần, đất này giáp phần đất thuộc thửa 892, diện tích 790m$^2$, loại đất trồng cây lâu năm do bị đơn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Qua quá trình sử dụng nguyên đơn, bị đơn tranh chấp nên các bên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguyên đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét thẩm định phần đất tranh chấp. Tại kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 30/3/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện L đã xác định: phần đất tranh chấp giữa thửa 890 và thửa 892, theo sự chỉ ranh của nguyên và bị đơn có diện tích 211,2m$^2$, thuộc thửa 24-3 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 890) do ông Bùi Kiêm N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 03/11/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh V diện tích tranh chấp là 175,7m$^2$ do bà Đỗ Thị Ngọc H3 đăng ký kê khai và tại Công văn số 08/CN.VPĐKĐĐ ngày 04/01/2024 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện L xác định bà H3 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chưa có giá trị pháp lý và Công văn số 472/TTKT ngày 24/11/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh V xác định 175,7m$^2$ không xác định thuộc thửa nào, theo xác định của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện L phần đất diện tích tranh chấp thửa 211,2m$^2$ 890 do ông N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đồng thời nguyên đơn và bị đơn thừa nhận phần đất tranh chấp do nguyên đơn trồng cây lâu năm và quản lý sử dụng nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, tuy nhiên qua khảo sát đo đạc thực tế của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh V diện tích tranh chấp là 175,7m$^2$ nên chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải nộp án phí phúc thẩm.

Chi phí đo đạc khảo sát tại cấp phúc thẩm 5.619.000 đồng bị đơn nộp 70%, nguyên đơn nộp 30%. Bị đơn chịu 3.933.000 đồng (Ba triệu chín trăm ba mươi ba ngàn đồng). Nguyên đơn chịu 1.686.000 đồng (Một triệu sáu trăm tám mươi sáu ngàn đồng), buộc nguyên đơn hoàn trả lại cho bị đơn.

*Bởi các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Đỗ Thị Ngọc H3 về diện tích phần đất tranh chấp.

Áp dụng vào các Điều 26, 34, 35, 39, 144, 147, 157 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 166, Điều 170 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013.

Áp dụng các Điều 163, Điều 175 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Kiêm N và bà Lưu Mỹ H1, Bùi Phượng L, Bùi Thúy H, Bùi Quang T, Bùi Mỹ N1, Bùi Minh C, Bùi Quang T1, Bùi Quang T2.

Công nhận phần đất diện tích 175,7m$^2$ và tài sản trên đất cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Bùi Kiêm N được tiếp tục quản lý sử dụng và đứng tến Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất thuộc chiết thửa 890 (thửa mới là 24-3), tờ bản đồ số 2 (tờ bản đồ mới là 28), loại đất CLN; tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long gồm các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 14, 15, 16, 1 (*Kèm theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V ngày 03/11/2023).*

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

2. Về án phí và chi phí tố tụng khác

- Về án phí dân sự phúc thẩm: bà H1 không phải nộp án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho bị đơn bà Đỗ Thị Ngọc H3 số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0005120 ngày 15/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Hoàn trả cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Huỳnh Công T3, Huỳnh Phát T4, Huỳnh Thanh T5 số tiền 900.000 đồng (Chín trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0005121 ngày 15/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- Về chi phí đo đạc khảo sát tại cấp phúc thẩm, bị đơn chịu 3.933.000 đồng (Ba triệu chín trăm ba mươi ba ngàn đồng), nguyên đơn chịu 1.686.000 đồng (Một triệu sáu trăm tám mươi sáu ngàn đồng), buộc người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn hoàn trả lại cho bị đơn bà Đỗ Thị Ngọc H3.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, được quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- TAND Cấp cao 01;
- VKSND Cấp cao 01;
- VKSNDTVL 01;
- Chánh án 01;
- TAND huyện L 01;
- THADS huyện L 01;
- Các ĐS 11;
- HCTP 01;
- Phòng KTNV&THA 01;
- Lưu hồ sơ vụ án 03.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Đăng**